

## Ghi chú Bài giảng 7-1

# Chính sách tài khóa

Năm 2009, dưới tác động của cuộc suy thoái kinh tế thế giới đi kèm với các áp lực của suy giảm kinh tế trong nước, Chính phủ Việt Nam đã thực hiện một loạt các biện pháp nhằm kích thích tổng cầu của nền kinh tế chẳng hạn như miễn, giảm, giãn, hoãn thuế cho các tổ chức và cá nhân, đồng thời thực hiện một số chính sách tăng chi tiêu và đầu tư của khu vực chính phủ, và đặc biệt là chính sách hỗ trợ 4% lãi suất vay vốn lưu động cho khu vực doanh nghiệp. Cho đến nay, hiệu quả của các chính sách kích thích kinh tế này vẫn còn là một chủ đề gây không ít tranh cãi. Một số ý kiến cho rằng nhờ các chính sách kích cầu kịp thời của Chính phủ đã giúp đẩy lùi được suy giảm kinh tế hay ít nhất là không làm cho nền kinh tế rơi vào khó khăn của đáy suy thoái. Ngược lại cũng có không ít ý kiến cho rằng các chính sách kích cầu đó đã không những không giúp lấy lại sức tăng trưởng vững chắc cho nền kinh tế mà còn gây ra nhiều hệ quả mới về bất ổn vĩ mô chẳng hạn như lạm phát cao quay trở lại và tình trạng nhập siêu thêm một nặng nề.

Hiện tại nền kinh tế vẫn tăng trưởng rất thấp và thiếu ổn định, các nguy cơ của bất ổn vĩ mô vẫn còn hiện hữu. Trong bối cảnh đó xuất hiện những ý kiến cho rằng Chính phủ nên tiếp tục gia tăng tổng cầu thông qua việc mở rộng chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ. Tuy nhiên, một số ý kiến phản biện cho rằng trong điều kiện không gian tài khóa không còn do thâm hụt ngân sách đã quá lớn và gánh nặng nợ công quá cao, Chính phủ sẽ rất khó để có thể tiếp tục thực hiện một gói kích thích kinh tế lần thứ hai. Những người ủng hộ quan điểm này đề nghị Chính phủ nên tiếp tục theo đuổi mục tiêu ổn định vĩ mô và cải cách thể chế nhằm chuẩn bị nền tảng cho sự phục hồi vững chắc cho nền kinh tế trong tương lai. Trong ghi chú bài giảng này, chúng ta sẽ không tìm cách ủng hộ hay phản bác cho ý kiến nào trên đây cả. Thay vào đó, chúng ta sẽ chỉ tìm hiểu một số khái niệm cơ bản liên quan đến chính sách tài khóa. Các vấn đề tài khóa của Việt Nam sẽ được nêu ra và thảo luận trong giờ học trên lớp. Dưới đây là một số câu hỏi quan trọng mà ghi chú bài giảng này sẽ đề cập:

- Cần phải hiểu đúng chính sách tài khóa như thế nào?
- Những công cụ của chính sách tài khóa là gì?
- Chính sách tài khóa có thể tạo ra hiệu ứng số nhân như thế nào?
- Các khuynh hướng can thiệp của chính sách tài khóa là gì?
- Đây là những giới hạn của chính sách tài khóa?

Khi nói đến các chính sách kinh tế vĩ mô các bạn thường nghe nói đến chính sách tiền tệ (monetary policy) và chính sách tài khóa (fiscal policy) bên cạnh một số chính sách vĩ mô khác. Chúng ta biết rằng trong khi chính sách tiền tệ do Ngân hàng Trung ương (có thể là một cơ quan trực thuộc chính phủ hoặc cơ quan độc lập) đảm trách thì chính sách tài khóa lại do chính phủ thực hiện mà nhiệm vụ trực tiếp thường là Bộ Tài chính. Bài giảng này sẽ tạm thời chưa nói đến chính sách tiền tệ, thay vào đó sẽ chỉ bàn về chính sách tài khóa.

## Chính sách tài khóa là gì?

**Chính sách tài khóa** có thể hiểu là các biện pháp can thiệp của chính phủ đến hệ thống thuế khóa và chi tiêu của chính phủ nhằm đạt được các mục tiêu của nền kinh tế vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, tạo công ăn việc làm hoặc ổn định giá cả và lạm phát. Như vậy, việc thực thi chính sách tài khóa sẽ do chính phủ thực hiện liên quan đến những thay đổi trong các chính sách thuế hoặc/và chi tiêu chính phủ. Cần phải lưu ý rằng, chỉ chính quyền trung ương (chính phủ) mới có quyền và chức năng thực thi chính sách tài khóa, còn chính quyền địa phương không có chức năng này. Đây cũng chính là một trong những yếu tố giúp phân biệt giữa một chính sách tài khóa với một chính sách chi tiêu thuộc phạm vi ngân sách theo phân cấp của chính quyền địa phương.

Để thực thi chính sách tài khóa thì chính phủ sẽ cần phải sử dụng các công cụ của nó. Các công cụ của chính sách tài khóa bao gồm các công cụ về thuế, công cụ chi tiêu, và công cụ tài trợ cho thâm hụt ngân sách. Có nhiều loại thuế khác nhau chẳng hạn như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bất động sản, v.v... nhưng tựu trung lại có thể chia ra làm hai loại thuế là thuế trực thu (direct taxes) và thuế gián thu (indirect taxes). **Thuế trực thu** là thuế đánh trực tiếp lên tài sản và/hoặc thu nhập của người dân, còn **thuế gián thu** là thuế đánh lên giá trị của hàng hóa, dịch vụ trong lưu thông thông qua các hành vi sản xuất và tiêu dùng của nền kinh tế. Tương tự, các chính sách chi tiêu của chính phủ cũng hết sức đa dạng nhưng cũng có thể tạm chia thành hai phần chính là chi tiêu thường xuyên (chẳng hạn như chi lương cho công chức, chi cho các hoạt động giáo dục, y tế, khoa học-công nghệ, an ninh-quốc phòng) và chi đầu tư phát triển (chẳng hạn như chi xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội). Các vấn đề thuế khóa và chi tiêu chính phủ cụ thể sẽ được trình bày trong môn Kinh tế học Khu vực Công (Public Sector Economics) trong Học kỳ Xuân. Ở môn học này và cụ thể là bài giảng này chúng ta chỉ cần hiểu nôm na là chính sách thuế (T) nói chung (không chỉ có thuế mà còn các khoản thu ngân sách ngoài thuế khác và không tính nợ vay. Ngoài ra, chúng ta xem trợ cấp như một loại thuế âm) và chi tiêu chính phủ (G) (chi tiêu mua sắm hàng hóa, dịch vụ của chính phủ). Ngoài công cụ thuế và chi tiêu, các công cụ tài trợ cho thâm hụt ngân sách hay tài trợ nợ của chính phủ (tạm gọi là nợ công) cũng được xem là một phần của chính sách tài khóa.

Như vậy, chúng ta thấy có ba trạng thái của cán cân ngân sách chính phủ ( $T - G$ ):

- Nếu  $T > G \Rightarrow$  chúng ta gọi là thặng dư ngân sách
- Nếu  $T < G \Rightarrow$  chúng ta gọi là thâm hụt ngân sách
- Nếu  $T = G \Rightarrow$  chúng ta gọi là cân bằng ngân sách

Lưu ý rằng các khoản thu (T) và chi ngân sách (G) này không bao gồm các khoản vay và trả nợ. Khi đó trạng thái ngân sách sẽ được gọi là thặng dư/thâm hụt/cân bằng ngân sách cơ bản. Nếu tính cả các khoản vay trả nợ nữa thì gọi là thặng dư/thâm hụt/cân bằng ngân sách tổng thể. Trong bài giảng này, nếu không nói gì thêm thì chúng ta hiểu là trạng thái ngân sách cơ bản.

## Nguyên tắc tài khóa vàng

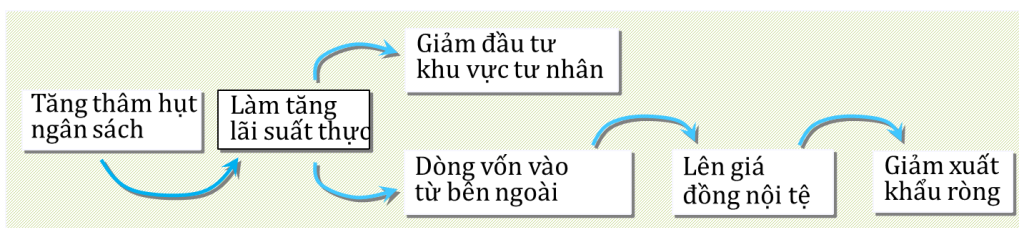
Trong trường hợp ngân sách thặng dư ( $T > G$ ) chúng ta thấy chính phủ khi đó có khoản tiết kiệm dương. Khoản tiết kiệm này có thể được dùng để trả nợ công (do thâm hụt tích lũy trong những năm tài khóa trước) hoặc cho vay nền kinh tế trong nước hay nước ngoài. Ngược lại, nếu ngân

sách thâm hụt thì chính phủ sẽ phải đi vay để tài trợ cho phần thâm hụt đó. Có một số cách để chính sách tài trợ thâm hụt ngân sách, chẳng hạn như phát hành tín phiếu/trái phiếu chính phủ (nghĩa là đi vay trong nước hoặc nước ngoài), bán bớt các tài sản quốc gia (chẳng hạn bán tài nguyên hay bán cổ phần trong các doanh nghiệp nhà nước) hoặc thậm chí có thể in tiền. Tất nhiên chính phủ sẽ phải cân nhắc các lựa chọn này vì mỗi một lựa chọn như vậy đều có lợi ích và chi phí kinh tế đi kèm. Chẳng hạn như vay nợ sẽ phải trả lãi suất, thậm chí vay nước ngoài (vay ngoại tệ) sẽ còn chịu rủi ro biến động tỷ giá hối đoái. Tương tự, nếu bán tài sản quốc gia có thể làm suy giảm nguồn lực của thế hệ tương lai, hay in tiền có thể gây áp lực lạm phát và bất ổn vĩ mô...). Ngoài vấn đề lựa chọn kênh tài trợ thâm hụt, việc sử dụng nguồn tài trợ đó như thế nào cũng là một thách thức không nhỏ. Có một nguyên tắc tài trợ thâm hụt là chính phủ không nên đi vay để chi tiêu mà phải dùng cho đầu tư phát triển. Người ta gọi đó là **nguyên tắc tài khóa vàng** (golden rule). Ngụ ý ở đây là việc đi vay để chi tiêu sẽ không thể tạo ra nguồn tiền cho việc trả nợ trong tương lai, ảnh hưởng đến tính an toàn của nợ công. Thay vào đó, việc đi vay chỉ được dùng để tài trợ cho các dự án đầu tư có khả năng thu hồi vốn hoặc ít nhất là cũng tạo ra năng lực sản xuất cho nền kinh tế.

### Tác động chèn lấn đầu tư tư nhân

Đến đây có một câu hỏi được đặt ra là liệu việc tài trợ thâm hụt ngân sách có phải là không tốt? Câu trả lời chắc chắn sẽ là một sự tranh cãi. Một số người cho rằng việc chính phủ tài trợ thâm hụt có thể phát tín hiệu về một tương lai tương sáng. Điều này rất quan trọng trong những thời kỳ nền kinh tế bị suy thoái và niềm tin của người tiêu dùng cũng như giới đầu tư bị suy giảm. Chính sách tăng chi tiêu và chấp nhận thâm hụt ngân sách của chính phủ sẽ không chỉ tạo ra tác động lan tỏa (thông qua cơ chế của số nhân tài khóa mà chúng ta sẽ nói lát nữa đây) mà còn tạo dựng niềm tin cho người dân và cộng đồng doanh nghiệp. Các lý thuyết kinh tế vĩ mô (đặc biệt là học thuyết của Keynes) cũng chứng minh rằng việc gia tăng chi tiêu chính phủ cũng sẽ giúp kích thích gia tăng sản lượng của nền kinh tế, tránh được tình trạng thiếu dụng (thất nghiệp). Tuy nhiên, nhiều người khác lại lo ngại rằng thâm hụt ngân sách thường là mầm mống cho sự trỗi dậy của lạm phát. Thâm hụt ngân sách và tài trợ thâm hụt cũng tạo ra **tác động chèn lấn** (crowding out) đầu tư và tiêu dùng của khu vực tư nhân. Chúng ta có thể hiểu đơn giản tác động chèn lấn như sau. Khi chính phủ đi vay để tài trợ thâm hụt sẽ làm tăng nhu cầu vay vốn trên thị trường tài chính. Xét tình huống một nền kinh tế đóng, trong điều kiện giả định nguồn cung quỹ cho vay (loanable funds) là giới hạn, việc chính phủ tăng nhu cầu vay mượn sẽ làm tăng lãi suất của nền kinh tế. Lãi suất tăng lên sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu vay vốn đầu tư của khu vực doanh nghiệp cũng như nhu cầu vay mượn cho tiêu dùng của khu vực hộ gia đình. Người ta gọi đây là tác động chèn lấn của tài trợ thâm hụt. Việc chính phủ tăng chi tiêu cũng tạo ra tác động chèn lấn với cơ chế tương tự như tài trợ thâm hụt.

**Hình 1. Tác động chèn lấn của chi tiêu chính phủ và tài trợ thâm hụt**



Nhiều người cũng hoài nghi rằng, ngoài tác động chèn lấn, việc chính phủ tăng chi tiêu và tài trợ thâm hụt cũng chưa hẳn giúp gia tăng tổng cầu của nền kinh tế. Họ lập luận rằng, khi chính phủ tăng cường vay mượn trong hiện tại thì sẽ phải tìm cách tăng thuế trong tương lai để trả nợ. Việc tăng thuế trong tương lai chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến thu nhập khả dụng của họ trong tương lai và như vậy cũng sẽ ảnh hưởng đến khả năng chi tiêu của họ trong tương lai. Tuy nhiên, khi người dân nghĩ như vậy thì ngay hiện tại họ đã bắt đầu giảm chi tiêu và tăng tiết kiệm nhằm có tiền nộp thuế trong tương lai và bù lại phần chi tiêu có thể sẽ giảm đi trong tương lai đó. Nếu điều này xảy ra thì cầu tiêu dùng của khu vực hộ gia đình và kể cả cầu đầu tư của khu vực doanh nghiệp đã giảm ngay trong năm hiện tại. Như vậy, khoản chi tiêu tăng thêm của chính phủ sẽ được bù đắp bởi khoản sụt giảm trong chi tiêu của hộ gia đình và đầu tư của tư nhân. Người ta gọi đây là tương đương Ricardo (Ricardian Equivalence).

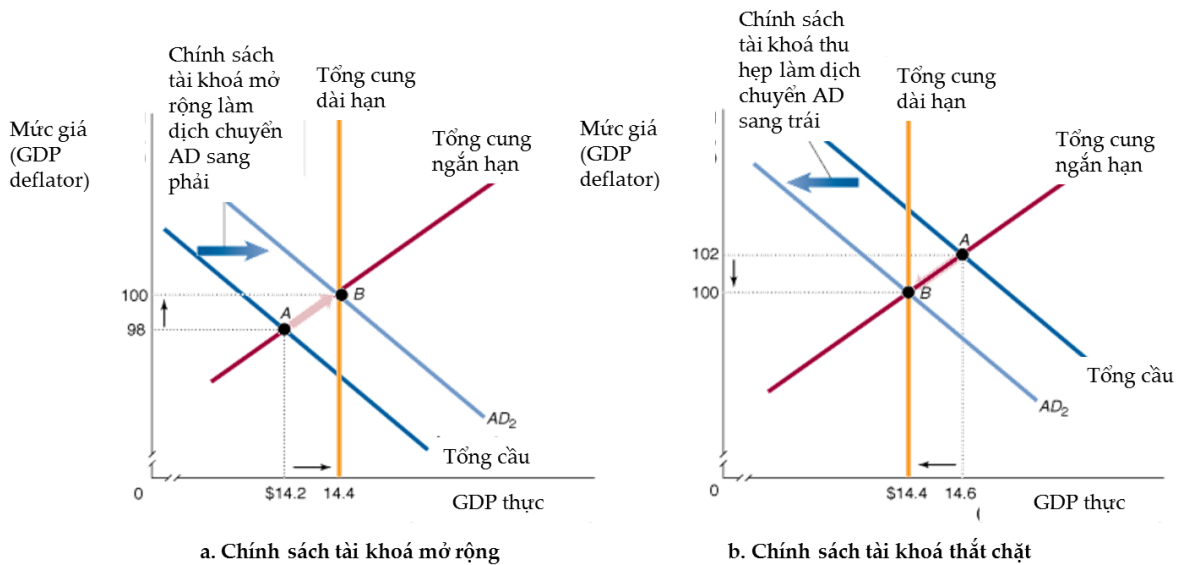
Chúng ta lưu ý rằng, hiện tượng chèn lấn đầu tư tư nhân như đã nói ở trên chỉ là chèn lấn một phần khi chúng ta xét trong một nền kinh tế đóng. Trong một nền kinh tế mở thì việc tăng chi tiêu chính phủ và tài trợ thâm hụt còn dẫn đến hiện tượng chèn lấn hoàn toàn thông qua các thay đổi về tỷ giá và cơ chế dịch chuyển của dòng vốn quốc tế. Chúng ta hãy tạm gác lại hiện tượng này để chờ đến khi các bài giảng về nền kinh tế mở và sự dịch chuyển của dòng vốn quốc tế được trình bày theo trình tự của đề cương môn học. Ở đây chúng ta chỉ cần biết rằng, không phải mọi biện pháp gia tăng chi tiêu và tài trợ thâm hụt của chính phủ đều có tác động hữu hiệu lên tổng cầu nội địa. Trong điều kiện nền sản xuất trong nước còn yếu kém thì việc gia tăng chi tiêu chính phủ thường sẽ dẫn đến tình trạng nhập siêu nặng nề hơn. Nói khác đi, các chính sách gia tăng chi tiêu hay “kích cầu” nhiều khi lại “kích cầu” cho nền kinh tế nước khác. Đây cũng là chủ đề thú vị nếu như các bạn liên hệ đến gói kích thích kinh tế trong năm 2009 ở Việt Nam như mở đầu bài ghi chú này có đề cập. Theo đó, một số nghiên cứu cho thấy rằng, gói kích cầu năm 2009 thực ra lại ít phát huy tác dụng trong việc kích thích nền sản xuất nội địa, thay vào đó lại kích thích gia tăng nhập khẩu từ bên ngoài. Chúng ta sẽ còn bàn về vấn đề này trong nhiều bài giảng sau của môn học. Cuối cùng, tác động của tài trợ thâm hụt còn phụ thuộc vào động thái của chính sách tiền tệ. Trong nhiều trường hợp, việc thực thi chính sách tiền tệ lại làm vô hiệu tác dụng của chính sách tài khóa. Chúng ta sẽ hiểu vấn đề này hơn sau khi đã học phần chính sách tiền tệ và mô hình IS-LM.

### **Chính sách tài khóa trung lập, mở rộng, và thu hẹp**

Khi nói đến điều hành chính sách tài khóa, người ta thường nói đến các loại như chính sách tài khóa trung lập (neutral fiscal policy), chính sách tài khóa mở rộng (expansionary fiscal policy), và chính sách tài khóa thu hẹp (contractionary fiscal policy). **Chính sách tài khóa trung lập** là chính sách cân bằng ngân sách, tức chi tiêu của chính phủ hoàn toàn được tài trợ từ nguồn thu của chính phủ và nhìn chung là có tác động trung tính lên mức độ của các hoạt động kinh tế. **Chính sách tài**

**khóa mở rộng** là chi sách tăng cường chi tiêu của chính phủ ( $G > T$ ) thông qua mở rộng chi tiêu và/hoặc giảm bớt nguồn thu thuế. **Chính sách tài khóa thu hẹp** là chính sách giảm bớt chi tiêu hoặc/và tăng nguồn thu của chính phủ. Việc điều hành chính sách tài khóa theo hướng nào tùy thuộc vào quan điểm của từng chính phủ gắn với các bối cảnh kinh tế vĩ mô cụ thể. Có những chính phủ theo đuổi chính sách tài khóa trung lập, trong khi cũng có những chính phủ theo đuổi các chính sách tài khóa mở rộng hoặc thu hẹp gắn với từng bối cảnh cụ thể của nền kinh tế vĩ mô.

**Hình 2. Chính sách tài khóa mở rộng và chính sách tài khóa thu hẹp**



**Chính sách tài khóa thuận và nghịch chu kỳ**

Thông thường khi nền kinh tế suy thoái thì chính phủ sẽ thực thi chính sách tài khóa mở rộng và ngược lại khi nền kinh tế tăng trưởng thì chính phủ sẽ thực thi chính sách tài khóa thu hẹp. Điều hành chính sách tài khóa theo hướng này được gọi là **chính sách tài khóa nghịch chu kỳ** (countercyclical fiscal policy). Ngược lại cũng có những quốc gia điều hành **chính sách tài khóa thuận chu kỳ** (pro-cyclical fiscal policy), tức là khi nền kinh tế suy thoái thì thu hẹp tài khóa, còn khi nền kinh tế tăng trưởng nóng thì mở rộng tài khóa. Nhiều nghiên cứu cho thấy rằng, ở các nước phát triển thường chính sách tài khóa có tính nghịch chu kỳ, ngược lại ở các nước đang phát triển thì chính sách tài khóa lại thường có tính thuận chu kỳ). Chúng ta sẽ còn bàn tiếp về tính thuận và nghịch chu kỳ của chính sách tài khóa nói riêng, chính sách vĩ mô nói chung trong một số bài giảng tới.

**Hình 3. Chính sách tài khóa thuận và nghịch chu kỳ như thế nào**



### Độ trễ chính sách

Khi nói đến tính hiệu lực của chính sách tài khóa, người ta nói đến vai trò của **độ trễ chính sách**. Độ trễ chính sách bao gồm độ trễ trong và độ trễ ngoài. **Độ trễ trong** có nghĩa là khoảng thời gian từ khi vấn đề trực trặc của nền kinh tế vĩ mô được nhận diện cho đến khi chính sách tài khóa can thiệp được hoạch định và được cơ quan có thẩm quyền thông qua. **Độ trễ ngoài** là khoảng thời gian từ khi chính sách tài khóa được thông qua cho đến khi nó được triển khai và bắt đầu phát huy tác dụng. Độ trễ chính sách là một trong những lý do làm giảm tính hiệu lực của chính sách tài khóa. Điều này là bởi vì kể từ khi nhận diện được trực trặc cho đến khi chính sách được thiết kế, thông qua, và triển khai có quá nhiều yếu tố làm cho tình hình thay đổi. Khi đó, các chính sách dù được thiết kế tốt nhưng lại có thể không phù hợp với bối cảnh và các trực trặc mới nảy sinh.

### Chính sách bình ổn tự động và chính sách tùy nghi

Đề cập về tính chủ động trong điều hành chính sách tài khóa, người ta chia làm hai loại gồm chính sách **bình ổn tự động** và **chính sách tài khóa tùy nghi**. Chính sách được xem là bình ổn tự động khi chính sách thuế và chi tiêu sẽ phụ thuộc vào sự biến động của chu kỳ kinh tế. Chúng ta có thể nhận thấy điều này khi nền kinh tế tăng trưởng hay suy thoái. Chẳng hạn, khi nền kinh tế tăng trưởng nguồn thu thuế của chính phủ cũng sẽ tăng lên trong khi nhu cầu chi tiêu hay quy mô của các gói trợ cấp của chính phủ cũng sẽ giảm đi. Ngược lại, khi nền kinh tế suy thoái thì nguồn thu thuế của chính phủ cũng sẽ bị suy giảm và nhu cầu trợ cấp của chính phủ cũng sẽ tăng lên. Trong khi đó, chính sách tài khóa là tùy nghi khi chính phủ sẽ hành động nhằm thay đổi các chính sách thuế và chi tiêu mà không phụ thuộc vào chu kỳ kinh tế.

### Số nhân tài khóa

Chúng ta biết rằng một chính sách tài khóa mở rộng (tăng G hoặc giảm T) sẽ giúp đẩy đường tổng cầu sang phải. Ngược lại, một chính sách tài khóa thu hẹp (giảm G hoặc tăng T) sẽ đẩy đường tổng cầu sang trái. Đối với nhà hoạch định chính sách, họ cần phải biết thêm rằng với một chính sách tài khóa mở rộng hay thu hẹp nhất định sẽ làm đường tổng cầu dịch chuyển bao nhiêu thay vì chỉ là dịch chuyển sang phải hay sang trái. Để biết được điều đó người ta sử dụng khái niệm số nhân tài khóa.

Số nhân tài khóa (fiscal multiplier) là tỷ số của sự thay đổi GDP thực do thay đổi mang tính tự định trong chi tiêu hoặc thuế của chính phủ. Chúng ta có thể giải thích ngắn gọn hiệu ứng này như sau. Khi chính phủ gia tăng chi tiêu sẽ tạo ra doanh thu cho những doanh nghiệp sản xuất và cung ứng hàng hóa, dịch vụ cho chính phủ. Doanh thu này sẽ chảy vào các hộ gia đình dưới hình thức là tiền lương, tiền lãi, lợi nhuận, tiền thuê. Sự gia tăng thu nhập khả dụng này lại dẫn đến tăng chi tiêu tiêu dùng. Tiếp đó, tăng chi tiêu tiêu dùng sẽ làm cho các doanh nghiệp tăng được sản lượng và doanh thu, rồi lại dẫn đến một vòng tăng thu nhập và chi tiêu mới, và cứ như vậy. Tác động cuối cùng của chính sách tăng chi tiêu của chính phủ là làm cho tổng thu nhập của nền kinh tế tăng lên một lượng thậm chí còn lớn hơn cả lượng chi tiêu tăng thêm của chính phủ. Người ta gọi đây chính là hiệu ứng của số nhân.

Bằng phép toán đại số đơn giản chúng ta có thể xác định được số nhân tài khóa này. Giả sử ban đầu chính phủ tăng chi tiêu thêm 100 tỷ đồng. Khoản đầu tư tăng thêm này sẽ làm tăng GDP thực thêm một lượng tương ứng là 100 tỷ đồng trong vòng đầu. Nếu không có thuế thì 100 tỷ đồng này cũng chính là thu nhập khả dụng. Nếu giả sử thuế suất là  $t$  thì thu nhập khả dụng lúc này sẽ là  $100 \cdot (1 - t)$ . Sau vòng 2, chi tiêu tiêu dùng tăng thêm sẽ bằng mức thu nhập khả dụng nhân với khuynh hướng tiêu dùng biên (MPC), tức bằng  $100 \cdot (1 - t) \cdot \text{MPC}$ . Tương tự, mức gia tăng chi tiêu tiêu dùng vòng 3 sẽ bằng  $[100 \cdot (1 - t) \cdot \text{MPC}] \cdot [(1 - t) \cdot \text{MPC}] = 100 \cdot [(1 - t) \cdot \text{MPC}]^2$ . Các bạn cũng có thể dễ dàng suy ra cho vòng 4, vòng 5, ..., vòng  $n$ .

Như vậy, tổng của mức tăng GDP thực ( $\Delta Y$ ) sau  $n$  vòng sẽ là:

$$\Delta Y = 100 \cdot [1 + (\text{MPC} \cdot (1 - t)) + (\text{MPC} \cdot (1 - t))^2 + (\text{MPC} \cdot (1 - t))^3 + \dots + (\text{MPC} \cdot (1 - t))^n]$$

Khi  $n \rightarrow \infty$ , ta có:<sup>1</sup>

$$\Delta Y = \frac{1}{1 - \text{MPC} \cdot (1 - t)} \cdot 100$$

Trong đó, độ lớn của số nhân tài khóa sẽ là:

$$m = \frac{1}{1 - \text{MPC} \cdot (1 - t)}$$

Giả sử  $\text{MPC} = 0,8$  và thuế suất  $t = 25\%$  thì ta tính được độ lớn của số nhân tài khóa sẽ  $m = 2,5$  lần. Điều này có nghĩa là khi chính phủ tăng chi tiêu thêm 100 tỷ đồng thì tổng sản lượng thực của nền kinh tế sẽ tăng lên 250 tỷ đồng.

Trong trường hợp không có thuế, tức  $t = 0$ , thì số nhân chi tiêu chính phủ sẽ có độ lớn là:

$$m = \frac{1}{1 - \text{MPC}} = 5 > 2,5 \text{ lần trong trường hợp có thuế } 25\%.$$

Điều này có nghĩa là trong trường hợp không có thuế thì số nhân chi tiêu sẽ lớn hơn so với trường hợp có thuế.

<sup>1</sup> Các bạn có thể áp dụng công thức tính tổng của một chuỗi số có dạng cấp số nhân với công bội  $q = \text{MPC} \cdot (1 - t)$  là:  
 $S_n = a_1(q^n - 1)/(q - 1)$ .

Dựa theo nguyên tắc này, các bạn cũng có thể tự lập được số nhân thuế của chính phủ. Nhiệm vụ này không quá khó và xin để dành nó cho các bạn. Sau khi các bạn lập được công thức số nhân thuế, bạn hãy so sánh nó với số nhân chi tiêu và cho nhận xét thử nhé. Sẽ có nhiều điểm thú vị liên quan đến hai loại số nhân này. Trong thực tế, các tranh cãi về việc lựa chọn công cụ chính sách tài khóa như thế nào để phát huy hiệu quả cao nhất cũng phụ thuộc vào độ lớn của các số nhân được ước lượng.

Nói về chính sách tài khóa sẽ còn nhiều vấn đề phức tạp khác nữa, song trong phạm vi bài giảng này chúng ta hãy tạm dừng các nội dung lý thuyết ở đây. Các vấn đề tài khóa phức tạp khác sẽ tiếp tục được thảo luận xen lẫn trong các bài giảng tiếp theo. Cuối cùng, mục tiêu của chúng ta là hãy vận dụng hết tất cả những nền tảng lý thuyết đã được trình bày trong ghi chú bài giảng này để cùng đặt lại những vấn đề kinh tế vĩ mô của Việt Nam thời gian qua, qua đó hãy thử thảo luận xem Chính phủ Việt Nam nên có những đường hướng can thiệp tài khóa như thế nào để đạt được các mục tiêu kinh tế vĩ mô mà Chính phủ đang theo đuổi./.